

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 460/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, giữa các đương sự sau:

- Người yêu cầu: Ông Trần Quang C, sinh năm 1956. Địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1961. Địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 58, do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh Nam Định cấp ngày 12/8/1986 thì ông Trần Quang C và bà Nguyễn Thị Y là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quang C và bà Nguyễn Thị Y thuận tình ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Trần Thị P, sinh ngày 05/02/1987 và Trần Quang N, sinh ngày 25/12/1993 đã thành niên, ông C và bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông C và bà Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C và bà Y khai không có.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Trần Quang C và bà Nguyễn Thị Y phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không

thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Trần Quang C và bà Nguyễn Thị Y.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quang C và bà Nguyễn Thị Y thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông C và bà Y có 02 con chung là Trần Thị P, sinh ngày 05/02/1987 và Trần Quang N, sinh ngày 25/12/1993 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông C và bà Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông C và bà Y khai không có.

- Về lệ phí thuận tình ly hôn: Ông Trần Quang C và bà Nguyễn Thị Y phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do ông C và bà Y đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0030429 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND x.E, h.F, t.Nam Định (Ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 58, ngày 12/8/1986)
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thụy Hồng Châu